

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định về xét tặng Kỷ niệm chương
“Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”

Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2019.

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”¹.

¹ Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2019 có căn cứ ban hành như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về đối tượng, nguyên tắc, tiêu chuẩn, hồ sơ, trình tự xét và trao tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.

2. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” (sau đây gọi tắt là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để ghi nhận công lao của cá nhân có quá trình cống hiến hoặc có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Đối tượng xét tặng Kỷ niệm chương

1. Cá nhân đã, đang công tác trong Ngành văn hóa, thể thao và du lịch (sau đây gọi tắt là Ngành).

2. Cá nhân công tác ngoài Ngành có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển Ngành.

3. Người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển Ngành.

Điều 3. Nguyên tắc, thời gian xét tặng Kỷ niệm chương

1. Kỷ niệm chương chỉ xét tặng một lần cho cá nhân, không có hình thức truy tặng.

2. Bảo đảm công bằng, dân chủ, công khai; đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn.

3. Không xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đã được tặng Huy chương, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Thể dục thể thao”, Huy chương “Vì sự nghiệp Du lịch”, các Huy chương, Kỷ niệm chương của ngành Văn hóa - Thông tin trước đây, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp dân số, gia đình và trẻ em” và cá nhân đang bị xem xét hoặc bị hình thức kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có liên quan đến các vụ án hình sự.

4. Kỷ niệm chương được xét tặng 2 đợt vào tháng 3 và tháng 7 hàng năm.

“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL.”

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của cá nhân được tặng Kỷ niệm chương

1. Cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

2. Cá nhân đủ tiêu chuẩn quy định tại các điều 5, 6, 7 và 8 của Thông tư này được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo quy định.

3. Cá nhân được tặng Kỷ niệm chương được nhận Giấy chứng nhận, Kỷ niệm chương và tiền thưởng theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

4. Cá nhân được tặng Kỷ niệm chương có trách nhiệm tiếp tục gìn giữ và phát huy truyền thống của Ngành, gương mẫu thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Chương II**TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG****Điều 5. Đối với cá nhân công tác trong Ngành**

Cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây được xét tặng Kỷ niệm chương:

1. Có thời gian công tác trong ngành từ 20 năm trở lên đối với nam và 15 năm trở lên đối với nữ (bao gồm cả thời gian được cử đi học hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự). Trường hợp có thời gian công tác tại vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo thì thời gian công tác thực tế tại các địa bàn trên được nhân với hệ số 1,3 để tính thời gian công tác trong ngành.

2. Cá nhân có đủ thời gian công tác theo quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng bị kỷ luật dưới mức buộc thôi việc chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương sau 02 năm tính từ thời điểm xóa kỷ luật. Thời gian chịu kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

Điều 6. Đối với cá nhân công tác ngoài Ngành

Cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây được xét tặng Kỷ niệm chương:

1. Đã đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chủ chốt của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đủ một nhiệm kỳ. Lãnh đạo các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương đủ 5 năm công tác có thành tích trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sự nghiệp ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Có công trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ được nghiệm thu xếp loại Tốt; đoạt giải Vàng (giải A), Giải Bạc (giải B) tại các Cuộc thi sáng tác, biểu diễn, triển lãm do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Hội Văn học Nghệ thuật chuyên ngành Trung ương tổ chức, có giá trị thiết thực phục vụ cho sự nghiệp của Ngành.

3. Có đóng góp tích cực vào việc bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; xây dựng cơ sở vật chất, hỗ trợ tài chính, phục vụ cho sự nghiệp của Ngành.

4. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng quyết định.

Điều 7. Đối với người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài

Người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây được xét tặng Kỷ niệm chương:

1. Có công đóng góp xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch; tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa ngành với các nước và các tổ chức quốc tế, các đơn vị thuộc Bộ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng quyết định.

Điều 8. Những trường hợp được xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn so với quy định

1. Diễn viên Múa, diễn viên Xiếc, vận động viên có thời gian công tác ít hơn 05 năm so với thời gian công tác quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, các tác giả, nhóm tác giả có tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương ngay sau khi có quyết định khen thưởng các danh hiệu này.

Chương III

HỒ SƠ, QUY TRÌNH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG

Điều 9. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương bao gồm:

a) Tờ trình của đơn vị theo mẫu số 1 quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị theo mẫu số 2 quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này;

c) Danh sách cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo mẫu số 3 quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này;

d) Bản tóm tắt quá trình công tác và thành tích cá nhân theo mẫu số 4 quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này;

đ)² Các quyết định khen thưởng đối với cá nhân được xét tặng Kỷ niệm chương theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 và Khoản 2 Điều 8 Thông tư này: Nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện).

2. Hồ sơ được lập thành 01 bộ, trên phông chữ Times New Roman gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi tắt là Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ) trước ngày 01 tháng 3 hoặc trước ngày 01 tháng 7 hàng năm. Đối với các đối tượng đạt đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Khoản 2 Điều 8 thì thời gian nộp hồ sơ không nhất thiết thực hiện theo quy định này.

Điều 10. Quy trình xét tặng Kỷ niệm chương

1. Đối với cá nhân đang công tác trong Ngành

a) Cá nhân công tác tại cơ quan nào thì gửi hồ sơ đến cơ quan đó đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo Mẫu số 4 của Phụ lục kèm theo Thông tư này;

b) Căn cứ kết quả xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét, trình Bộ trưởng quyết định;

c) Căn cứ đề nghị của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở, Trưởng Phòng Văn hóa - Thông tin và Thể thao quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xét, lập hồ sơ và Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét, trình Bộ trưởng quyết định.

² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2019.

2. Đối với cá nhân công tác trong Ngành đã nghỉ hưu

a) Cá nhân thuộc đơn vị trực thuộc Bộ đã nghỉ hưu thì gửi hồ sơ đến cơ quan cuối cùng trước khi nghỉ hưu đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo Mẫu số 4 của Phụ lục kèm theo Thông tư này. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị đó có trách nhiệm xét, lập hồ sơ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét, trình Bộ trưởng quyết định;

b) Cá nhân đã nghỉ hưu tại địa phương nào thì gửi hồ sơ đến cơ quan cuối cùng trước khi nghỉ hưu đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo Mẫu số 4 của Phụ lục kèm theo Thông tư này. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch của địa phương đó có trách nhiệm xét, lập hồ sơ và Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét, trình Bộ trưởng quyết định.

3. Đối với cá nhân công tác ngoài Ngành

a) Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, lập hồ sơ đối với các trường hợp thuộc lĩnh vực, địa bàn mình quản lý để đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét, trình Bộ trưởng quyết định;

b) Các trường hợp đặc biệt, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ có trách nhiệm đề xuất, lập hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định.

4. Đối với người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài: Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xét, lập hồ sơ đối với các trường hợp thuộc lĩnh vực, địa bàn mình quản lý để gửi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét, trình Bộ trưởng quyết định.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Thi đua, Khen thưởng là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, quyết định.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan có trách nhiệm tổ chức Lễ trao tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” trang trọng và tiết kiệm.

Điều 12. Hiệu lực thi hành³

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2014.

Quyết định số 46/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Kỷ niệm chương và Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xem xét, giải quyết./.

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH**

Số: 5700/VBHN-BVHTTDL

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2018
BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thiện

³ Điều 5 của Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2019 quy định như sau:

“Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.”

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục

**MẪU BIỂU TRONG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ
XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

Mẫu số 1: Tờ trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.

Mẫu số 2: Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.

Mẫu số 3: Danh sách đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.

Mẫu số 4: Bản tóm tắt quá trình công tác và thành tích đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.

Cơ quan cấp trên..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 Đơn vị..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-.....

Địa danh, ngày... tháng... năm.....

Mẫu số 1

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”;

.....¹ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” cho:..... người (Có hồ sơ kèm theo).

Trong đó:

- a. Cán bộ công chức, viên chức đang công tác:..... người.
- b. Cán bộ công chức đã nghỉ hưu, nghỉ chế độ:..... người.

.....¹ trình lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

*Ký tên, đóng dấu
 (Ghi rõ họ tên)*

(1) Tên đơn vị có hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcHỘI ĐỒNG
THI ĐUA - KHEN THƯỞNG*Địa danh, ngày... tháng... năm...***Mẫu số 2****BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG****Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương****“Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”**

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng¹..... họp phiên toàn thể xét trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” cho các cá nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Thời gian:..... giờ..... phút ngày..... tháng..... năm.....**Địa điểm:**.....**Chủ trì cuộc họp:** Đ/c....., Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền).**Thư ký cuộc họp:** Đ/c....., chức vụ..... Thư ký Hội đồng.

Các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng..... dự họp: có... thành viên, gồm các đồng chí:

1. Đ/c..... chức vụ..... Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;
2. Đ/c..... chức vụ..... Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;
3. Đ/c..... chức vụ..... Ủy viên;
4. Đ/c..... chức vụ..... Ủy viên;
5. Đ/c..... chức vụ..... Ủy viên;
6. Đ/c..... chức vụ..... Ủy viên;
7. Đ/c..... chức vụ..... Ủy viên, Thư ký Hội đồng.

Sau khi nghe Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng) đọc báo cáo tóm tắt thành tích của từng cá nhân, Hội đồng đã thảo luận, phân tích, đánh giá thành tích của từng cá nhân theo các quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về xét tặng “Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”

(nêu tóm tắt các ý kiến của thành viên Hội đồng)

Hội đồng tiến hành bỏ phiếu kín:

- Số phiếu phát ra:
- Số phiếu thu về:
- Số phiếu hợp lệ:
- Số phiếu không hợp lệ:

*** Kết quả kiểm phiếu như sau (xếp theo thứ tự số phiếu từ cao xuống thấp)**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số phiếu

Cuộc họp kết thúc vào hồi giờ..... phút..... ngày..... tháng..... năm.....

Thư ký cuộc họp
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1) Tên đơn vị có hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

Cơ quan cấp trên..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 Đơn vị..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm....

Mẫu số 3

DANH SÁCH

Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Nghề nghiệp, Chức vụ, Nơi công tác	Đôi tượng (Điều 5 đến Điều 8)	Quá trình hoạt động trong ngành VH TTDL		Tổng số năm công tác trong ngành VH TTDL	Tóm tắt thành tích (đôi tượng xét theo Điều 6, 7 và 8)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Từ tháng, năm đến tháng, năm	Làm gì, ở đâu			
1										
2										
3										

Người lập danh sách
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... tháng..... năm

Mẫu số 4

BẢN TÓM TẮT

**Quá trình công tác và thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng
Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”**

I. Sơ lược tiểu sử bản thân

- Họ và tên:..... Giới tính:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:..... Dân tộc:.....
(Quốc tịch:..... nếu là người nước ngoài)
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Chức vụ và nơi công tác:
- Số năm công tác:
- Ngày nghỉ hưu (nếu có):
- Số điện thoại liên lạc:.....

II. Quá trình công tác trong Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch (đối với cá nhân được xét tặng Kỷ niệm chương là người công tác trong Ngành)

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác

III. Tóm tắt những đóng góp cho ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(đối với cá nhân được xét Kỷ niệm chương là người công tác ngoài Ngành, người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài).

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị
(đối với cá nhân công tác trong Ngành)
(Ký tên, đóng dấu)

Người khai ký tên
(Ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị trình hồ sơ
về thành tích đề nghị khen thưởng**

(đối với cá nhân công tác ngoài Ngành, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài)
(Ký tên, đóng dấu)